TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Dịu.

2. Ông Trần Đình Thừa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 275/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1993; thường trú: Thôn Ph1, xã K2, huyện K1, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên lạc: Số 69 đường N2, khu nhà ở Ph1, phường T2, thành phố D2, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Điển Tr1, sinh năm 1984; thường trú: Số 16/2 khu phố Th1, phường D1, thành phố D1, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị V1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V1 và ông Dương Điển Tr1 là vợ chồng có tổ chức đám cưới giữa hai bên gia đình chung sống với nhau vào năm 2018 và đặng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2018-KH ngày 19/3/2018, việc kết hôn là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân. Nay bà V1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Dương Điển Tr1.

- Về con chung: Bà V1 xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Dương T2, sinh ngày 01/07/2022; Dương T3, sinh ngày 13/10/2020; Dương T4, sinh ngày 11/12/2018. Sau khi ly hôn bà V1 yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Triệt cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà V1 không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Dương Điển Tr1 đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V1 và ông Dương Điển Tr1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2018-KH ngày 19/3/2018, việc kết hôn là tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà V1 xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, kéo dài mà không thể hàn gắn được nên bà Nguyễn Thị V1 yêu cầu được ly hôn với ông Dương Điển Tr1.

[3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà V1 xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được.

Ông Tr1 đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Vân và ông Tr1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị V1 yêu cầu được ly hôn với ông Dương Điển Tr1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị V1 xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Dương T2, sinh ngày 01/07/2022; Dương T3, sinh ngày 13/10/2020 và Dương T4, sinh ngày 11/12/2018. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông Dương Điển Tr1 được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có việc làm, có thu nhập và có mong muốn nuôi con. Các con chung hiện còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, Tòa án giao cháu T2, cháu T3 và cháu T4 cho bà Nguyễn Thị V1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị V1 không yêu cầu ông Dương Điển Tr1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà V1 nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 180, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V1 đối với ông Dương Điển Tr1 về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V1 được ly hôn với ông Dương Điển Tr1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2018-KH ngày 19/3/2018 do Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

- Về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên Dương T2, sinh ngày 01/7/2022; Dương T3, sinh ngày 13/10/2020 và Dương T4, sinh ngày 11/12/2018 cho bà Nguyễn Thị V1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị V1 về việc không yêu cầu ông Dương Điển Tr1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà V1 và ông Tr1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Tr1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà V1 nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của các con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001133 ngày 04/7/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân